

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT

TRẦN THỊ KHÁNH HUYỀN

**CÁC NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG PHÁP LUẬT THUẾ**

*Chuyên ngành* : Luật kinh tế

*Mã số* : 60 38 01 07

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

HÀ NỘI - 2014

**Công trình được hoàn thành tại  
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

*Người hướng dẫn khoa học*: PGS.TS Nguyễn Thị Thương Huyền

*Phản biện 1:*

*Phản biện 2:*

**Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ,  
họp tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi ..... giờ ....., ngày ..... tháng ..... năm 2014.

**Có thể tìm hiểu luận văn tại  
Trung tâm thông tin - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội  
Trung tâm tư liệu - Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội**

## MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang		
<i>Trang phụ bì</i>			
<i>Lời cam đoan</i>			
<i>Mục lục</i>			
<b>MỞ ĐẦU</b>	1		
<b>Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT THUẾ VÀ NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG PHÁP LUẬT THUẾ</b>	6		
1.1. Thuế và pháp luật thuế	6		
1.1.1. Thuế	6		
1.1.2. Pháp luật thuế	11		
1.2. Nguyên tắc xây dựng pháp luật thuế	19		
1.2.1. Nguyên tắc công bằng khi xây dựng pháp luật thuế	20		
1.2.2. Nguyên tắc minh bạch, rõ ràng, cụ thể	30		
1.2.3. Nguyên tắc đơn giản, dễ hiểu, dễ tính toán	32		
1.2.4. Nguyên tắc thuận tiện cho người nộp thuế	35		
1.2.5. Nguyên tắc hiệu quả	36		
<b>Chương 2: THỰC TRẠNG THỂ HIỆN NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG PHÁP LUẬT THUẾ QUA MỘT SỐ LUẬT THUẾ Ở VIỆT NAM VÀ HƯỚNG HOÀN THIỆN</b>	39		
2.1. Quá trình hình thành xây dựng pháp luật thuế Việt Nam	39		
2.1.1. Pháp luật thuế giai đoạn 1990-1995	39		
2.1.2. Pháp luật thuế giai đoạn 1996 - 2004	40		
2.1.3. Pháp luật thuế giai đoạn 2005 - 2010	43		
2.1.4. Pháp luật thuế giai đoạn 2011 - 2020	45		
2.2. Các nguyên tắc xây dựng pháp luật thuế được thể hiện trong một số luật thuế ở Việt Nam hiện nay	47		
2.2.1. Nguyên tắc công bằng được thể hiện trong Luật thuế thu nhập cá nhân	47		
2.2.2. Nguyên tắc minh bạch, rõ ràng, cụ thể được thể hiện trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	58		
2.2.3. Nguyên tắc đơn giản, dễ hiểu, dễ tính toán được thể hiện trong Luật thuế giá trị gia tăng	64		
2.2.4. Nguyên tắc hiệu quả và thuận tiện được thể hiện trong Luật quản lý thuế	68		
2.3. Hướng hoàn thiện pháp luật thuế ở Việt Nam để đảm bảo các nguyên tắc xây dựng pháp luật thuế	76		
2.3.1. Hướng hoàn thiện pháp luật thuế thu nhập cá nhân	76		
2.3.2. Hướng hoàn thiện pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp	80		
2.3.3. Hướng hoàn thiện pháp luật thuế giá trị gia tăng	84		
2.3.4. Hướng hoàn thiện pháp luật quản lý thuế	92		
<b>KẾT LUẬN</b>	98		
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	100		

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong thời kì quá độ chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa chỉ huy, tập trung, quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, thuế nói chung được sử dụng như một công cụ kinh tế hữu hiệu của Nhà nước để điều tiết các hoạt động kinh tế và có vai trò rất quan trọng để phân phối lại thu nhập và đảm bảo công bằng xã hội.

Hơn 20 năm qua, Việt Nam thực hiện chính sách đổi mới kinh tế, mở cửa và hội nhập, hệ thống chính sách thuế đã được cải cách và hoàn thiện không ngừng để đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước. Việc nghiên cứu vai trò của pháp luật thuế và những giải pháp chủ yếu để phát huy vai trò đó trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế có ý nghĩa rất lớn trong việc nâng cao hiệu lực của hệ thống pháp luật thuế. Từ đó, phục vụ cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế trong giai đoạn tới.

Do vậy, việc tiếp tục hoàn thiện pháp luật thuế và việc xây dựng pháp luật thuế được đặt ra trong điều kiện hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam hiện nay là vấn đề thời sự cấp thiết, nhằm đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới cơ chế chính sách tài chính quốc gia nói chung và phục vụ thiết thực cho công cuộc cải cách thuế đạt kết quả cao. Việc ban hành đầy đủ các luật thuế để điều tiết xã hội là một bước tiến trong nỗ lực cải cách thuế ở Việt Nam nhưng việc xây dựng pháp luật thuế như thế nào để vừa đảm bảo chống thất thu ngân sách vừa tạo sự phát triển mới về kinh tế - xã hội giai đoạn hiện nay, thì các nguyên tắc đảm bảo việc xây dựng pháp luật thuế phù hợp với tình hình thực tế là cần thiết góp phần tích cực vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của nước ta.

Vì những lý do trên, tôi đã chọn đề tài "**Các nguyên tắc xây dựng pháp luật thuế**" làm luận văn thạc sĩ của mình.

### 2. Tình hình nghiên cứu của đề tài

Các nguyên tắc xây dựng pháp luật thuế là hệ thống quan điểm chỉ đạo chi phối sâu sắc việc ban hành và sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế hệ thống văn bản pháp luật thuế của một quốc gia, có ảnh hưởng trực tiếp tới quá trình vận hành của hệ thống pháp luật thuế. Các nguyên tắc này được nghiên cứu trong một số công trình của một số nhà khoa học, nghiên cứu dưới dạng các bài viết, bài báo, chuyên đề...

Một số công trình nghiên cứu tiêu biểu về thuế, pháp luật thuế và nguyên tắc xây dựng pháp luật thuế ở Việt Nam có thể kể là: Vũ Văn Cương, Vũ Ngọc Hà (2009), *Pháp luật về kiểm tra, thanh tra thuế ở Việt Nam*, Tạp chí Luật học, số 4; Nguyễn Văn Hiệu, Lê Xuân Trường (2008), *Hệ thống thuế một số nước Asean và Trung Quốc*, Nxb Tài chính, Hà Nội; Trường Đại học Luật Hà Nội (2012), *Giáo trình Luật thuế Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội; Lê Xuân Trường (2010), *Giáo trình quản lý thuế*, Nxb Tài chính, Hà Nội; Nguyễn Xuân Trinh, Lê Xuân Sang (2007), *Điều chỉnh chính sách thuế và trợ cấp sau khi gia nhập tổ chức thương mại thế giới*, Nxb Tài chính, Hà Nội; Trương Bá Tuấn (2011), *Đổi mới chính sách thuế giai đoạn 2001 - 2010*, Tạp chí Tài chính, số 2; Nguyễn Văn Tuyên (2009), *Bản chất thuế - sự tiếp cận từ các học thuyết cổ điển và hiện đại*, Tạp chí Luật học, số 4; TS. Trần Minh Đức, *Nguyên tắc công bằng trong pháp luật thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam*; Trường Đại học Luật Hà Nội (2007), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật thuế Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế*, Đề tài khoa học cấp trường; TS. Nguyễn Văn Tuyên, *Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật thuế và mô hình cấu trúc của hệ thống pháp luật thuế*, Trường Đại học Luật Hà Nội.

Các công trình trên, vấn đề nguyên tắc xây dựng pháp luật thuế được đề cập đến ở các mức độ khác nhau. Có công trình đề cập đến ý nghĩa, nội dung của các nguyên tắc này trong pháp luật thuế, nêu khái quát về nội dung các nguyên tắc. Nhìn chung các công trình còn tản mạn, chỉ đi

vào khái quát nội dung các nguyên tắc hoặc phân tích riêng một nguyên tắc cụ thể trong một chế định luật nào đó, chưa có công trình nào tập trung phân tích từng nguyên tắc biểu hiện qua các luật cụ thể cũng như nêu hướng hoàn thiện từng nguyên tắc trong luật đó về mặt thực tiễn.

### **3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu**

Mục đích nghiên cứu của đề tài là làm rõ thêm các vấn đề lý luận của các nguyên tắc xây dựng pháp luật thuế, trên cơ sở đó phân tích, đánh giá thực trạng thể hiện các nguyên tắc đó trong quá trình xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật thuế ở Việt Nam và đưa ra một số gợi ý cụ thể cho việc tiếp tục hoàn thiện các văn bản pháp luật thuế để đảm bảo các nguyên tắc đó.

Từ mục đích nghiên cứu nêu trên, luận văn có những nhiệm vụ sau đây:

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận về các nguyên tắc xây dựng pháp luật thuế.
- Phân tích, đánh giá sự thể hiện các nguyên tắc xây dựng pháp luật thuế và chỉ ra những điểm được và chưa được của hệ thống pháp luật thuế Việt Nam hiện nay trong việc thể hiện các nguyên tắc đó.
- Đưa ra hướng hoàn thiện cụ thể cho một số văn bản thuế để đảm bảo các nguyên tắc xây dựng pháp luật thuế

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là các nguyên tắc xây dựng pháp luật thuế. Tuy nhiên trong phạm vi của một luận văn thạc sĩ, luận văn chỉ nghiên cứu các nguyên tắc xây dựng pháp luật thuế được thể hiện qua một số Luật thuế cơ bản ở Việt Nam hiện nay như Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế thu nhập cá nhân và Luật quản lý thuế từ năm 2005 đến nay.

### **5. Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu**

Luận văn nghiên cứu được thực hiện dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về công tác tư pháp và cải cách tư pháp.

Cụ thể, sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp ở chương 1, phương pháp so sánh, đối chiếu, phương pháp diễn dịch, quy nạp ở chương 2 để tổng hợp các tri thức khoa học và luận chứng các vấn đề tương ứng được nghiên cứu trong luận văn.

### **6. Những điểm mới đóng góp của luận văn**

Kết quả nghiên cứu của luận văn có ý nghĩa quan trọng về phương diện lý luận và thực tiễn, vì đây là công trình nghiên cứu đầu tiên và có hệ thống ở cấp độ một luận văn thạc sĩ luật học về các nguyên tắc xây dựng pháp luật thuế, mà trong đó giải quyết nhiều vấn đề quan trọng về lý luận và thực tiễn. Những điểm mới cơ bản của luận văn là:

- Làm rõ sự cần thiết khách quan của các nguyên tắc xây dựng pháp luật thuế và nội dung cụ thể của từng nguyên tắc cũng như sự tác động của các nguyên tắc đó tới mục tiêu xây dựng pháp luật thuế.
- Luận văn lựa chọn những nguyên tắc chi phối lớn đến quá trình xây dựng và hoàn thiện từng Luật thuế cụ thể như nguyên tắc công bằng đối với Luật thuế thu nhập cá nhân; nguyên tắc minh bạch, rõ ràng, cụ thể đối với Luật thuế thu nhập doanh nghiệp; nguyên tắc đơn giản, dễ hiểu, dễ tính toán đối với Luật thuế giá trị gia tăng; nguyên tắc hiệu quả và thuận tiện đối với Luật quản lý thuế.
- Luận văn đưa ra một số nhận định, đánh giá việc thể hiện các nguyên tắc xây dựng pháp luật thuế được thể hiện thông qua một số Luật thuế cụ thể trong pháp luật thuế Việt Nam hiện nay.
- Luận văn đưa ra hướng hoàn thiện cụ thể cho từng luật thuế bao gồm Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế giá trị gia tăng và Luật quản lý thuế để đảm bảo các nguyên tắc công bằng; nguyên tắc minh bạch, rõ ràng, cụ thể; nguyên tắc đơn giản, dễ hiểu, dễ tính toán; nguyên tắc hiệu quả và thuận tiện nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả xây dựng pháp luật thuế ở Việt Nam trong thời gian tới.

## 7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 2 chương:

*Chương 1:* Một số vấn đề lý luận cơ bản về pháp luật thuế và nguyên tắc xây dựng pháp luật thuế.

*Chương 2:* Thực trạng thể hiện nguyên tắc xây dựng pháp luật thuế qua một số luật thuế ở Việt Nam và hướng hoàn thiện.

### *Chương 1*

## **NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT THUẾ VÀ NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG PHÁP LUẬT THUẾ**

### **1.1. Thuế và pháp luật thuế**

#### **1.1.1. Thuế**

##### *1.1.1.1. Khái niệm thuế*

Thuế là một khoản đóng góp bắt buộc từ các thể nhân và pháp nhân do Nhà nước theo mức độ và thời hạn được pháp luật qui định nhằm sử dụng cho mục đích công cộng.

Mặt khác, thuế vừa là phạm trù kinh tế, vừa là phạm trù lịch sử. Lịch sử xã hội loài người đã chứng minh rằng thuế ra đời là một tất yếu khách quan, gắn với sự hình thành và phát triển của nhà nước. Thuế là hiện tượng tất yếu, xuất hiện và tồn tại cùng với các hiện tượng kinh tế - xã hội khác. Sự xuất hiện, phát triển của thuế gắn với mỗi giai đoạn, lợi ích mà nhà nước sử dụng nó làm công cụ điều tiết nguồn thu của nền kinh tế xã hội ấy. Để duy trì sự tồn tại đồng thời với việc thực hiện các chức năng của mình, nhà nước cần có nguồn vật chất để thực hiện những chi tiêu có tính chất xã hội. Bằng quyền lực chính trị, nhà nước thu một bộ phận của cải xã hội để có được nguồn vật chất đó. Quan hệ thu, nộp những nguồn vật chất này chính là thuế. Thu thuế được thực hiện từ hình thức thu bằng hiện vật chuyển dần sang thu dưới hình thức giá trị.

#### *1.1.1.2. Đặc điểm thuế*

Ra đời và tồn tại cùng với Nhà nước, từ đó đến nay, thuế đã trải qua một quá trình phát triển lâu dài. Với mỗi cách tiếp cận khác nhau, các nhà nghiên cứu sẽ đưa ra khái niệm riêng phục vụ cho mục đích nghiên cứu của mình về thuế. Vì vậy, đã có rất nhiều khái niệm về thuế khác nhau.

*Thứ nhất,* thuế là khoản thu nộp bắt buộc vào ngân sách.

*Thứ hai,* thuế gắn với yếu tố quyền lực nhà nước. Thuế là hình thức văn bản có tính pháp lý cao nhất do cơ quan quyền lực cao nhất, cơ quan lập pháp đặt ra. Đây là một điểm giúp phân biệt thuế và các khoản phí, lệ phí. Tuy cũng là những khoản thu có tính chất bắt buộc nhưng phí và lệ phí được thực hiện dựa theo các văn bản dưới luật.

*Thứ ba,* thuế không mang tính đối giá, không hoàn trả trực tiếp.

*Thứ tư,* thuế có phạm vi áp dụng rộng. So với phí, lệ phí thì thuế có phạm vi áp dụng rộng hơn. Phạm vi áp dụng của thuế không có giới hạn, khác biệt giữa các địa phương, vùng lãnh thổ. Hầu như mọi đối tượng hàng hóa dịch vụ (được phép lưu thông và hợp pháp), mọi tổ chức, cá nhân (có tư cách chủ thể) đều chịu sự điều chỉnh của thuế.

#### **1.1.2. Pháp luật thuế**

##### *1.1.2.1. Khái niệm pháp luật thuế*

Việc xác định nghĩa vụ thuế của các tổ chức, cá nhân và quan hệ thu, nộp thuế giữa nhà nước và dân cư phải được thực hiện dựa trên những căn cứ pháp lý nhất định, đó chính là pháp luật thuế.

Pháp luật thuế là tổng hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình thu, nộp thuế giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và người nộp thuế nhằm hình thành nguồn thu ngân sách nhà nước để thực hiện các mục tiêu xác định trước.

##### *1.1.2.2. Vai trò của pháp luật thuế*

Pháp luật thuế giữ một vai trò quan trọng đối với sự phát triển của đất nước, nếu không có hệ thống pháp luật thuế thì không thể thì một

quốc gia không thể phát triển toàn diện. Với ý nghĩa to lớn đó, vai trò của hệ thống pháp luật thuế trong điều kiện của nước ta hiện nay được thể hiện qua các khía cạnh sau:

*Thứ nhất*, pháp luật thuế là cơ sở pháp lý để các chủ thể thực hiện nghĩa vụ thuế và các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện quản lý nhà nước trong lĩnh vực thuế nhằm đảm bảo ổn định nguồn thu cho ngân sách nhà nước, đáp ứng nhu cầu chi tiêu của Nhà nước.

Nhà nước ban hành pháp luật thuế và ấn định các loại thuế áp dụng đối với các pháp nhân và thể nhân trong xã hội. Việc các chủ thể nộp thuế - thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật thuế đã tạo ra nguồn tài chính quan trọng, chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu nguồn thu ngân sách Nhà nước.

Cũng như pháp luật nói chung, pháp luật thuế có chức năng điều chỉnh các quan hệ xã hội. Mục đích chủ yếu và quan trọng nhất của sự điều chỉnh quan hệ pháp luật thu - nộp thuế là nhằm tạo lập quỹ ngân sách nhà nước.

Thuế là công cụ quan trọng nhất để phân phối lại tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân theo đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Hiện nay, nguồn thu nước ngoài đã giảm nhiều, kinh tế đối ngoại chuyển thành có vay có trả. Trước tiên, thuế là một công cụ quan trọng để góp phần ổn định trật tự xã hội, chuẩn bị điều kiện và tiền đề cho việc phát triển lâu dài.

*Thứ hai*, pháp luật thuế góp phần cân bằng điều tiết vĩ mô của Nhà nước đối với nền kinh tế và đời sống xã hội, hướng dẫn sản xuất và tiêu dùng thông qua sự phân bổ và sử dụng các nguồn lực, là đòn bẩy kinh tế quan trọng, kích thích hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Nhà nước, bằng pháp luật có khả năng quản lý, điều tiết tới mọi mặt của đời sống kinh tế xã hội. Bằng hệ thống pháp luật thuế, Nhà nước thể hiện ý chí của mình đối với đường lối phát triển kinh tế một cách gián tiếp, thông qua đó thực hiện công bằng xã hội.

Điều tiết đối với nền kinh tế là yêu cầu khách quan, thường xuyên của Nhà nước trong điều kiện nền kinh tế thị trường. Thông qua các quy định của pháp luật thuế về cơ cấu các loại thuế, phạm vi đối tượng nộp thuế, thuế suất, miễn giảm thuế...

Thông qua các quy định của pháp luật thuế, Nhà nước chủ động can thiệp đến cung - cầu của nền kinh tế. Sự tác động của Nhà nước để điều chỉnh cung - cầu của nền kinh tế một cách hợp lý sẽ có tác động lớn đến sự ổn định và tăng trưởng kinh tế.

Thuế góp phần khuyến khích khai thác nguyên liệu, vật tư trong nước để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu. Thông qua pháp luật thuế, Nhà nước có tác động tích cực trong việc thúc đẩy sản xuất phát triển trên cơ sở tận dụng và sử dụng hợp lý và có hiệu quả các nguồn lực của đất nước trong việc điều chỉnh cung - cầu và cơ cấu kinh tế.

*Thứ ba*, pháp luật thuế góp phần đảm bảo sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế và công bằng xã hội.

Hệ thống pháp luật thuế mới được áp dụng thống nhất chung cho các ngành nghề, các thành phần kinh tế, các tầng lớp dân cư nhằm đảm bảo sự bình đẳng và công bằng xã hội về quyền lợi và nghĩa vụ đối với mọi thể nhân và pháp nhân. Sự bình đẳng và công bằng được thể hiện thông qua chính sách động viên giống nhau giữa các đơn vị, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế có những điều kiện hoạt động giống nhau, đảm bảo sự bình đẳng và công bằng. Vai trò điều tiết thu nhập của pháp luật thuế thể hiện ở sự tác động của pháp luật thuế đối với các quan hệ phân phối và sử dụng thu nhập trong xã hội. Sự vận động của nền kinh tế theo cơ chế thị trường đòi hỏi Nhà nước phải sử dụng đồng bộ nhiều công cụ khác nhau để khắc phục những sự mất cân đối về mặt xã hội trong đó có mất cân đối về thu nhập. Nhà nước sử dụng pháp luật thuế làm công cụ để điều hòa vĩ mô thu nhập trong xã hội.

## **1.2. Nguyên tắc xây dựng pháp luật thuế**

Nguyên tắc xây dựng pháp luật thuế là hệ thống quan điểm chỉ đạo chi phối sâu sắc việc ban hành và sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế hệ thống văn bản pháp luật thuế của một quốc gia, có ảnh hưởng trực tiếp tới quá trình vận hành của hệ thống pháp luật thuế. Thuế liên quan đến quyền lợi trực tiếp của người nộp thuế và nhà nước. Người nộp thuế (dù thuế trực thu hay thuế gián thu) đều phải trích một phần tài sản để chuyển cho nhà nước mà không thể khước từ hay trì hoãn. Ngược lại, nhà nước nào cũng phải mong chờ nguồn thu từ thuế để đảm bảo nguồn vật chất đầu vào cho việc thực hiện chức năng nhiệm vụ.

Việc xây dựng pháp luật thuế ngoài việc phải đảm bảo các nguyên tắc xây dựng pháp luật nói chung còn phải đảm bảo các nguyên tắc cơ bản sau:

- Nguyên tắc công bằng.
- Nguyên tắc minh bạch, rõ ràng, cụ thể.
- Nguyên tắc đơn giản, dễ hiểu, dễ tính toán.
- Nguyên tắc thuận tiện cho người nộp thuế.
- Nguyên tắc hiệu quả.

### ***1.2.1. Nguyên tắc công bằng khi xây dựng pháp luật thuế***

Nguyên tắc này lần đầu tiên được nhắc đến trong Bản Tuyên ngôn nhân quyền năm 1789 và đã gây ra rất nhiều tranh cãi trong giới học giả thời bấy giờ.

Mọi công dân đều được bình đẳng như nhau trước các quy định của pháp luật thuế. Khi công bằng được ghi nhận như là một nguyên tắc thì nó trở thành một thuộc tính vốn có, không thể tách rời của thuế nói chung và thuế thu nhập cá nhân nói riêng. Thuộc tính này là tư tưởng chỉ đạo trong suốt quá trình ra đời, tồn tại của thuế, không phải chỉ là sự đòi hỏi, yêu cầu tạm thời của thuế.

### ***1.2.2. Nguyên tắc minh bạch, rõ ràng, cụ thể***

Nguyên tắc minh bạch, rõ ràng, cụ thể có ý nghĩa rất quan trọng đối với mỗi quốc gia vì nó giúp cho các đối tượng bị tác động bởi các luật

pháp đó nắm vững, hiểu được pháp luật để áp dụng, tránh những tranh chấp có thể xảy ra. "Minh bạch hóa pháp luật" là điều kiện quan trọng để tạo niềm tin và là cơ sở để mở rộng các quan hệ hợp tác quốc tế. Nhờ đó mà nhà nước quản lý xã hội một cách tốt hơn, môi trường đầu tư thông thoáng hơn, đẩy mạnh tăng trưởng đầu tư, tăng việc làm, thúc đẩy lưu thông hàng hóa và dịch vụ và cơ cấu lại nền kinh tế đất nước.

Công khai, minh bạch là đòi hỏi thiết yếu đối với hoạt động xây dựng pháp luật thuế. Đảm bảo được nguyên tắc này sẽ rút ngắn khoảng cách giữa công dân và công quyền. Đối với Nhà nước pháp quyền "của dân, do dân và vì dân", tính minh bạch trong hoạt động xây dựng pháp luật được coi là nền tảng cơ sở, cội nguồn sức mạnh của bộ máy công quyền, bảo đảm dân chủ trong xã hội và là biện pháp hữu hiệu nhằm phòng ngừa các hành vi sai trái, các biểu hiện làm suy giảm hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước.

Nguyên tắc này bảo đảm mối liên hệ chặt chẽ của các hoạt động nhà nước với xã hội, với các công dân, tạo cơ sở cho xã hội, công dân có thể kiểm soát được các hoạt động nhà nước, qua đó kiểm soát được quyền lực nhà nước thực sự thuộc về nhân dân chứ không phải thuộc về một người hoặc một nhóm người nào.

### ***1.2.3. Nguyên tắc đơn giản, dễ hiểu, dễ tính toán***

Chính sách thuế phải thật đơn giản, dễ hiểu, phù hợp với khả năng đóng góp và trình độ dân trí nước ta, cách tính toán thuế.

Cơ sở để bảo đảm cho việc thực hiện dễ dàng và áp dụng pháp luật đạt được kết quả cao trong thực tiễn, đồng thời cho phép dự báo được khả năng hiện thực hóa các quy định pháp luật trong đời sống xã hội là khi xây dựng pháp luật thuế đòi hỏi xem xét một cách khách quan và rút ra những kết luận, làm sáng rõ những ưu điểm và nhược điểm của hệ thống pháp luật thuế.

Yêu cầu đặt ra là pháp luật thuế vừa phản ánh được những quy luật chung về sự phát triển của xã hội, vừa phản ánh được những quy luật đặc

thù trong lĩnh vực pháp luật thuế đối với từng giai đoạn. Nếu không đảm bảo nguyên tắc đơn giản, dễ tính toán thì các quy định của pháp luật thuế sẽ không hợp lý và không đi vào cuộc sống, như vậy sẽ gây ra những tổn kém không cần thiết cả về thời gian và tiền bạc khi một văn bản quy phạm pháp luật được dự thảo, hội thảo, nghiên cứu và ban hành nhưng xa rời thực tế hoặc tạo ra những tác động ngược và các đối tượng thực thi không thể thi hành.

#### **1.2.4. Nguyên tắc thuận tiện cho người nộp thuế**

Văn bản pháp luật thuế phải có các quy định và mệnh lệnh chi tiết, cụ thể để đảm bảo tính thuận tiện cho người nộp thuế.

Tính thuận lợi thể hiện sự dễ hiểu, dễ thực hiện, dễ quản lý và khả năng thích ứng của hệ thống thuế đối với những hoàn cảnh kinh tế thay đổi. Yêu cầu về tính dễ hiểu, dễ thực hiện thường thuộc về kỹ thuật xây dựng các văn bản pháp luật quy định về thuế sao cho logic, mạch dạn, rõ ràng, các từ dùng trong văn bản phải mang tính phổ thông để dễ hiểu và hiểu đúng thì thực hiện mới đúng và dễ kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện luật thuế trong thực tế. Hệ thống thuế phải đảm bảo có khả năng dễ thích ứng với sự thay đổi của hoàn cảnh kinh tế thì mới phát huy được vai trò điều tiết vĩ mô nền kinh tế của thuế.

#### **1.2.5. Nguyên tắc hiệu quả**

Thuế phải đảm bảo nguồn thu cho ngân sách nhà nước nhưng không được để cho người nộp thuế lâm vào tình trạng khốn cùng.

- *Hiệu quả ở góc độ người nộp thuế:* Một chính sách thuế đúng đắn sẽ thúc đẩy kinh tế phát triển. Xây dựng chính sách thuế không sát với thực tế sẽ kìm hãm sự phát triển của nền kinh tế dẫn đến đối tượng nộp thuế có hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng trốn kê khai nộp thuế cho Nhà nước, giảm thu Ngân sách Nhà nước.

- *Hiệu quả đối ở góc độ quản lý thuế:* Thể hiện tính hiệu quả là tổng số thuế thu được là lớn nhất với chi phí tổ chức thu thuế là thấp nhất. Trong thực tế, khi thu thuế bao giờ cũng phát sinh chi phí, đó là các

khoản chi phí trực tiếp của cơ quan thuế và những chi phí gián tiếp do người nộp thuế gánh chịu. Tính hiệu quả của thu thuế được thể hiện là tổng số thuế thu được nhiều nhất trên cơ sở chi phí trực tiếp của cơ quan thuế và chi phí gián tiếp của người nộp thuế là thấp nhất. Các khoản chi phí trên gọi là chi phí hành chính. Nhằm giảm bớt chi phí hành chính đòi hỏi hệ thống thuế phải đơn giản chứa đựng ít mục tiêu. Mặt khác, hệ thống thuế đơn giản, dễ hiểu thì việc quản lý, kiểm tra, kiểm soát của Nhà nước đối với người nộp thuế mới dễ dàng, thuận tiện.

## **Chương 2**

### **THỰC TRẠNG THỂ HIỆN NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG PHÁP LUẬT THUẾ QUA MỘT SỐ LUẬT THUẾ Ở VIỆT NAM VÀ HƯỚNG HOÀN THIỆN**

#### **2.1. Quá trình hình thành xây dựng pháp luật thuế Việt Nam**

##### **2.1.1. Pháp luật thuế giai đoạn 1990-1995**

Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã có Quyết định số 05-CT ngày 12/01/1989 thành lập "Tổ chỉ đạo soạn thảo dự án luật mới về các loại thuế" để chuẩn bị cho công tác nghiên cứu, soạn thảo các luật thuế mới và được Quốc hội lần lượt thông qua và ban hành bao gồm 12 sắc thuế lớn và một số loại phí, lệ phí. Tuy nhiên vẫn còn nhiều bất cập.

##### **2.1.2. Pháp luật thuế giai đoạn 1996 - 2004**

- Ban hành Luật thuế giá trị gia tăng số thay thế cho Luật thuế doanh thu và Luật thuế thu nhập doanh nghiệp thay thế cho Luật thuế lợi tức, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/1999.

- Ban hành Pháp lệnh thuế tài nguyên (sửa đổi) số 05/1998/PL-UBTVQH (ngày 16/04/1998) thay thế Pháp lệnh thuế tài nguyên năm 1990.

- Sửa đổi, bổ sung một số nội dung như Luật thuế xuất nhập khẩu và Luật thuế tiêu thụ đặc biệt, ngày 20/05/1998, có hiệu lực từ ngày 01/01/1999; Luật thuế chuyển quyền sử dụng đất, ngày 04/01/2000; Pháp



lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao được sửa đổi, bổ sung hai lần (ngày 06/02/1997 và ngày 30/06/1999).

### **2.1.3. Pháp luật thuế giai đoạn 2005 - 2010**

Ngày 06/12/2004 Thủ tướng Chính phủ ra quyết định số 201/2004/QĐ-TTg về việc phê duyệt *chương trình cải cách hệ thống thuế đến năm 2010*.

Hệ thống chính sách pháp luật thuế trong giai đoạn này có những cải cách cơ bản sau:

- Luật quản lý thuế ra đời, được Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 10 ngày 29/11/2006 thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/01/2007.

- Ban hành Luật thuế giá trị gia tăng ngày 03/06/2008 (số 13/2008/QH12), có hiệu lực từ ngày 01/01/2009 trên cơ sở thống nhất các văn bản luật trước đây và đưa ra một số quy định mới nhằm phù hợp với thực tiễn nền kinh tế trong giai đoạn này.

- Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 được ban hành ngày 03/06/2008, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/04/2009 thay thế cho Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2003.

- Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ra đời ngày 21/11/2007, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009 bãi bỏ Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao.

- Ban hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14/06/2005, có hiệu lực từ ngày 01/01/2006

- Luật thuế tiêu thụ đặc biệt số 27/2008/QH12 ngày 14/11/2008, có hiệu lực từ ngày 01/04/2009

- Ban hành Luật thuế tài nguyên số 45/2009/QH12 ngày 25/11/2009, có hiệu lực từ ngày 01/07/2010

### **2.1.4. Pháp luật thuế giai đoạn 2011 - 2020**

Ngày 17/05/2011 Thủ tướng Chính phủ ra quyết định số 732/QĐ-TTg về việc phê duyệt *chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011-2020*.

Xây dựng ngành thuế Việt Nam hiện đại, hiệu lực, hiệu quả; công tác quản lý thuế, phí và lệ phí *thống nhất, minh bạch, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện*.

## **2.2. Các nguyên tắc xây dựng pháp luật thuế được thể hiện trong một số luật thuế ở Việt Nam hiện nay.**

### **2.2.1. Nguyên tắc công bằng được thể hiện trong Luật thuế thu nhập cá nhân**

Thuế thu nhập cá nhân là loại thuế điều tiết vào phần thu nhập hợp pháp của cá nhân có được theo quy định của pháp luật. Để đảm bảo nguyên tắc công bằng trong pháp luật thuế thu nhập cá nhân trước hết phải xác định đối tượng nộp thuế một cách đầy đủ và hợp lý nhất, đảm bảo sự phù hợp giữa tên gọi của các sắc thuế với phạm vi điều chỉnh của chúng, tạo sự công bằng cho các cá nhân trong xã hội. Trước khi Luật Thuế thu nhập cá nhân năm 2007 được thông qua, ở Việt Nam cũng đã có những quy định về đối tượng nộp thuế thu nhập là những cá nhân có thu nhập có thu nhập cao.

### **2.2.2. Nguyên tắc minh bạch, rõ ràng, cụ thể được thể hiện trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp**

Trong những thập kỷ qua của thế kỷ XX, Việt Nam đã và đang phát triển nền kinh tế thị trường bằng việc thúc đẩy tiến trình tự do hóa thương mại và toàn cầu hóa nền kinh tế quốc tế thông qua việc thúc đẩy tự do hóa thương mại khu vực và tham gia các liên kết kinh tế trong khu vực châu lục cũng như trên thế giới như: Gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) năm 1994, tham gia sáng lập Hội nghị thượng đỉnh Á - Âu (ASEM) năm 1996, gia nhập Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC) năm 1997. Đồng thời với việc gia nhập các liên kết kinh tế, Việt Nam cũng đã ký kết nhiều Hiệp định thương mại song phương với 86 nước, trong đó có Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ, ký Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư với 46 nước, ký Hiệp định tránh đánh thuế hai lần với 40 nước.

Luật thuế thu nhập doanh nghiệp phù hợp với chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011- 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 17/5/2011.

Đặc biệt nguyên tắc minh bạch thể hiện rõ về các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp. Đây là nội dung khó nhất và dễ tạo ra tính thiếu minh bạch nhất của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Để được xác định là khoản chi được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp thì các khoản chi phải đáp ứng đủ các điều kiện: Các khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và có đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật, đồng thời các khoản chi đó không thuộc các khoản chi phí không được trừ quy định tại khoản 2 Điều 9 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

### ***2.2.3. Nguyên tắc đơn giản, dễ hiểu, dễ tính toán được thể hiện trong Luật thuế giá trị gia tăng.***

Thuế giá trị gia tăng là loại thuế thu vào phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

Nguyên tắc này thể hiện rất rõ trong thuế giá trị gia tăng ở các công thức tính thuế cụ thể. Thuế thuế giá trị gia tăng là loại thuế tiêu dùng tính trên hàng hóa, dịch vụ do người mua phải trả.

Để đảm bảo nguyên tắc đơn giản, dễ thực hiện, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thuế giá trị gia tăng chuyển căn cứ xác định không chịu thuế đối với hộ, cá nhân kinh doanh từ thu nhập sang doanh thu. Qua tính toán, theo Nghị định số 103/2012/NĐ-CP ngày 4/12/2012 của Chính phủ về mức lương tối thiểu vùng năm 2013 thì mức lương tối thiểu vùng trung bình áp dụng cho doanh nghiệp là 2.000.000 đồng/tháng (từ 1.650.000 đồng/tháng tại vùng IV đến 2.350.000 đồng/tháng tại vùng I). Tỷ lệ thu nhập bình quân trên doanh thu của cá nhân kinh doanh hiện hành áp dụng cho các vùng, miền theo điều tra của Tổng cục Thống kê là khoảng 25-30% doanh thu, tương ứng với mức doanh

thu từ 80 triệu đến 96 triệu đồng/năm. Do vậy, việc lấy mức doanh thu 100 triệu đồng/năm cao hơn mức trần 96 triệu, không phân biệt theo ngành nghề hay địa bàn. Mức doanh thu này vừa bảo đảm đơn giản, thuận lợi cho hộ, cá nhân kinh doanh, vừa phù hợp với thực tế và đã tính đến yêu cầu ổn định trong 4-5 năm tới.

Để đơn giản thủ tục, tiết kiệm chi phí kê khai cho người nộp thuế, nâng cao hiệu quả quản lý, hạn chế hiện tượng gian lận hóa đơn để khấu trừ, hoàn thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thuế giá trị gia tăng bổ sung ngưỡng tính thuế để áp dụng phương pháp khấu trừ thuế thuế giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ sở kinh doanh đăng ký tự nguyện.

Để bảo đảm minh bạch chính sách, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thuế giá trị gia tăng bổ sung quy định cách xác định thuế thuế giá trị gia tăng ghi trên hóa đơn thuế giá trị gia tăng, chứng từ ghi giá thanh toán là giá đã có thuế thuế giá trị gia tăng tại Khoản 1 Điều 10 (luật hóa những nội dung đang quy định ổn định ở Nghị định).

Để đơn giản, dễ thực hiện, tiết kiệm chi phí cho người nộp thuế, bao quát hết các trường hợp phát sinh trong thực tiễn và phù hợp với thông lệ quốc tế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thuế giá trị gia tăng nội dung cách tính thuế thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tính trực tiếp tại Khoản 1 Điều 11.

Để đơn giản thủ tục và tiết kiệm chi phí cho người nộp thuế, đề nghị quy định hộ, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp tính trực tiếp.

### ***2.2.4. Nguyên tắc hiệu quả và thuận tiện được thể hiện trong Luật quản lý thuế***

Nguyên tắc này gồm hai nội dung, thứ nhất là các loại thuế phải đảm bảo rõ ràng, dễ hiểu cho mọi đối tượng và có tính ổn định. Thứ hai, hệ thống thuế phải được tổ chức sao cho chi phí quản lý thu thuế không cao hơn mức mà mục tiêu đề ra cho phép, phải đảm bảo số thu đủ như dự tính, hạn chế tình trạng gian lận thuế, thất thoát thuế.

Nguyên tắc đảm bảo dễ hiểu, đạt hiệu quả có tầm quan trọng khi ban hành một văn bản pháp luật về thuế, văn bản giải thích, hướng dẫn cho các đối tượng có liên quan. Trong việc xây dựng cấu trúc thuế, nội dung và ngôn từ của một đạo luật thuế phải đảm bảo tính dễ hiểu cho mọi đối tượng và cần phải được thực hiện trong một thời gian dài, ổn định. Nguyên tắc này cũng có ý nghĩa trong việc xác minh trình tự, quy trình, nội dung quản lý thu nộp thuế. Việc ban hành một loại thuế phải tính tới mối tương quan giữa tổng thu dự tính đạt được và chi phí dự tính phải trả cho việc thu và quản lý thuế. Tránh không được để xảy ra việc mức phí bỏ ra cho hoạt động thu một loại thuế nào đấy cao hơn mức thuế thu được.

Nguyên tắc xây dựng pháp luật thuế này có ý nghĩa pháp lý quan trọng khi xác định những nội dung cụ thể của đạo luật thuế, xác định cơ cấu hệ thống pháp luật thuế.

### **2.3. Hướng hoàn thiện pháp luật thuế ở Việt Nam để đảm bảo các nguyên tắc xây dựng pháp luật thuế.**

#### **2.3.1. Hướng hoàn thiện pháp luật thuế thu nhập cá nhân**

+ Hoàn thiện những quy định về thu nhập chịu thuế nhằm xác định đúng và đủ thu nhập chịu thuế của các cá nhân

+ Xây dựng lại một số quy định về giảm trừ gia cảnh góp phần tạo sự công bằng giữa những cá nhân có thu nhập từ những nguồn thu nhập khác nhau trong xã hội, đảm bảo ổn định đời sống của các cá nhân có thu nhập chịu thuế, khuyến khích mọi cá nhân trong xã hội tham gia lao động tạo ra thu nhập hợp pháp

+ Xây dựng các quy định về thuế suất hợp lý, tạo sự công bằng về nghĩa vụ thuế giữa các cá nhân, doanh nghiệp, khuyến khích mọi cá nhân trong xã hội làm giàu hợp pháp

+ Tăng cường hợp tác quốc tế trong việc xây dựng và ban hành pháp luật thuế thu nhập cá nhân

#### **2.3.2. Hướng hoàn thiện pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp**

Để đáp ứng cao hơn tính chính xác, minh bạch và rõ ràng của một sắc thuế, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp cần đảm bảo chặt chẽ cũng như tránh nhầm lẫn cho doanh nghiệp cũng như cơ quan quản lý thuế trong quá trình áp dụng Luật.

*Thứ nhất*, về nguyên tắc, không nên khống chế trần chi phí quảng cáo được tính trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp, nhưng có thể xác lập nguyên tắc mềm.

*Thứ hai*, cần khuyến khích tính minh bạch kinh doanh của doanh nghiệp. Nhà nước cần dùng mức tính trừ chi phí quảng cáo để khuyến khích sự minh bạch kinh doanh của doanh nghiệp.

*Thứ ba*, cần tính giảm trừ chi phí quảng cáo tránh cào bằng, mà theo tính chất từng nhóm ngành và tính thời gian của quảng cáo

*Thứ tư*, cần tính giảm trừ chi phí quảng cáo theo mục tiêu sử dụng sản phẩm. Việc tính giảm trừ chi phí quảng cáo cần tùy theo mục tiêu tiêu dùng xã hội, cụ thể cần tăng mức khấu trừ chi phí quảng cáo để khuyến khích tiêu dùng hàng nội địa (nhất là các khoản chi phí quảng cáo hàng hóa cho thương hiệu Việt).

#### **2.3.3. Hướng hoàn thiện pháp luật thuế giá trị gia tăng**

- Sửa đổi, bổ sung một số quy định về đối tượng chịu thuế thuế giá trị gia tăng.

- Để đảm bảo pháp luật thuế thuế giá trị gia tăng ngày càng chặt chẽ, tránh gây hiểu lầm các thuật ngữ được quy định trong Luật thuế thuế giá trị gia tăng, một số kiến nghị đã được đưa ra nhằm hoàn thiện pháp luật thuế thuế giá trị gia tăng.

- Hoàn thiện các quy định về căn cứ tính thuế và thuế suất, phương pháp tính thuế

- Cần sửa đổi các quy định về khấu trừ thuế, hoàn thuế thuế giá trị gia tăng

- Sửa đổi, bổ sung một số quy định về đăng ký, kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế thuế giá trị gia tăng.

#### **2.3.4. Hướng hoàn thiện pháp luật quản lý thuế**

Việc hoàn thiện Luật quản lý thuế cần thực hiện trên những khía cạnh như sau:

*Thứ nhất*, về hệ thống pháp luật về quản lý thuế, hệ thống pháp luật về quản lý thuế khá đồ sộ, Luật quản lý thuế hoặc chưa ở mức khái quát đầy đủ, hoặc chưa rõ ràng, có thể về câu chữ, hoặc quá đi sâu vào chi tiết mà bỏ sót nhiều trường hợp làm mất đi tính tổng quát của một đạo luật.

*Thứ hai*, hiện nay, Luật quản lý thuế không chỉ quy định những vấn đề chung về tổ chức thực hiện việc quản lý thuế và thực thi các luật thuế nói chung mà còn có rất nhiều nội dung thuộc các luật chuyên ngành thuế. Luật cũng có nhiều điều quy định quá chi tiết, cụ thể những vấn đề lẽ ra thuộc phạm vi điều chỉnh của các văn bản dưới luật, của các luật chuyên ngành, luật hải quan.

*Thứ ba*, một số quy định trong Luật quản lý thuế chưa đảm bảo tính tương thích với các luật thủ tục khác trong lĩnh vực hành chính, kinh tế, dân sự, thương mại, hình sự khác. Khi sửa đổi Luật quản lý thuế cần có sự cân nhắc cẩn trọng để đảm bảo tính thống nhất với các đạo luật khác.

*Thứ tư*, Luật quản lý thuế quy định rất chặt chẽ về vấn đề phạt vi phạm hành chính đối với người nộp thuế. Tuy nhiên, thực tế có nhiều trường hợp người nộp thuế nộp thừa tiền phạt, Điều 47 của Luật quản lý thuế quy định cơ quan thuế phải hoàn trả lại khi có yêu cầu nhưng lại không quy định thời hạn để được yêu cầu hoàn trả. Trong khi đó, cơ quan quản lý thuế chỉ lưu giữ hồ sơ trong một thời hạn nhất định mà quá thời hạn đó, nếu doanh nghiệp có yêu cầu, cơ quan quản lý thuế không còn hồ sơ do hết thời hạn lưu giữ dẫn đến việc xử lý thiếu chính xác và đôi khi gây thiệt thòi cho chính doanh nghiệp.

*Thứ năm*, về vấn đề xử phạt thuế, Điều 111 quy định các trường hợp miễn xử phạt vi phạm pháp luật về thuế quy định doanh nghiệp được

miễn xử phạt vi phạm pháp luật về thuế trong những trường hợp: gặp thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ hoặc trường hợp bất khả kháng khác. Nhưng có những trường hợp, chẳng hạn đối với doanh nghiệp nhà nước, tiền nộp thuế là tiền cấp từ ngân sách nhà nước nhưng ngân sách chậm cấp tiền làm ảnh hưởng đến tiến độ nộp thuế dẫn đến việc doanh nghiệp bị chậm nộp thuế và bị phạt một cách rất thiệt thòi. Thiết nghĩ, luật nên để một quy định mở cho phép cơ quan thuế được tùy nghi quyết định trong một số trường hợp luật chưa dự liệu được trước.

*Thứ sáu*, về gia hạn nộp thuế, Luật quản lý thuế quy định thời gian gia hạn nộp thuế không quá 2 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế. Nhưng luật lại không quy định thời hạn giải quyết hồ sơ đề nghị gia hạn nộp thuế. Trên thực tế việc giải quyết gia hạn nộp thuế đối với trường hợp người nộp thuế gặp khó khăn đặc biệt, theo quy định của Chính phủ thường kéo dài do phải xem xét tới nhiều yếu tố. Vì vậy, khi được chấp thuận gia hạn nộp thuế đã vượt quá thời gian bắt đầu tính gia hạn nộp thuế nên khó xác định cho người nộp thuế được gia hạn tính từ thời điểm nào.

*Thứ bảy*, tại Điều 8 của Luật quản lý thuế quy định cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm "Giải thích, cung cấp thông tin liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế cho người nộp thuế". Trong khi đó, luật cũng quy định các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tự kê khai, tính thuế, nộp thuế và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật để thực hiện nghĩa vụ nộp thuế. Nhưng Luật lại không quy định trong trường hợp cơ quan quản lý thuế giải thích, hướng dẫn sai dẫn đến việc người nộp thuế kê khai, tính thuế sai thì trách nhiệm của cơ quan thuế trong trường hợp này như thế nào. Thực tế tôi đã thấy có một số trường hợp doanh nghiệp đã phải kiện cơ quan thuế ra tòa vì hướng dẫn sai rồi sau đó lại xử phạt doanh nghiệp.

*Thứ tám*, chủ trương mới hiện nay là đơn giản hóa thủ tục hành chính thể hiện qua việc Chính phủ ban hành một loạt các văn bản quy

định việc đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong đó có việc rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục hành chính về thuế. Do đó, Luật sửa đổi cũng cần rà soát để có những cập nhật phù hợp với tình hình thực tế.

## KẾT LUẬN

Các nhà kinh tế học thường đề cập vai trò của thuế đối với ngân sách nhà nước và đời sống xã hội. Bởi vì trên thực tế, thông qua hoạt động thu thuế, Nhà nước tập trung được một bộ phận của cải của xã hội từ đó hình thành nên quỹ ngân sách nhà nước và thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội. Về phương diện Luật học, thuế là một thực thể do Nhà nước đặt ra thông qua việc ban hành các văn bản pháp luật. Các văn bản quy phạm pháp luật không chỉ quy định nội dung các loại thuế mà còn xác lập các quyền, nghĩa vụ của các chủ thể, các biện pháp đảm bảo thực hiện thu, nộp thuế. Pháp luật thuế là sự thể chế hóa các chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước. Chính vì vậy pháp luật thuế là nhân tố quyết định ý nghĩa kinh tế - xã hội của thuế và có vai trò quan trọng đối với nền kinh tế và đời sống xã hội. Để đảm bảo cho nhân tố đó có hiệu quả trong thực tiễn cần có các nguyên tắc cụ thể trong quá trình xây dựng luật.

Như vậy, qua việc phân tích các nguyên tắc xây dựng pháp luật thuế thể hiện trong từng luật cụ thể, luận văn đã thể hiện được việc thông qua các nguyên tắc đó, hệ thống pháp luật thuế mới được áp dụng thống nhất chung cho các ngành nghề, các thành phần kinh tế, các tầng lớp dân cư nhằm đảm bảo sự bình đẳng và công bằng xã hội về quyền lợi và nghĩa vụ đối với mọi thể nhân và pháp nhân. Hiện nay, xu hướng chung của các quốc gia là xây dựng các quy phạm pháp luật thuế theo hướng hội nhập quốc tế, đơn giản hóa cơ cấu hệ thống thuế và thuế suất... Tuy vậy, việc thực hiện xu hướng chung đó không làm triệt tiêu vai trò của pháp luật thuế là công cụ điều tiết vĩ mô của Nhà nước trong điều kiện nền kinh tế thị trường.

Pháp luật thuế là công cụ chủ yếu để tạo lập nguồn ngân sách nhà nước, tuy nhiên việc tiến hành thực hiện như thế nào để lợi ích của cả hai bên chủ thể (người nộp thuế và nhà nước) đều không bị ảnh hưởng là không hề đơn giản. Do đó, khi đánh thuế cần phải xác định đúng và tuân thủ các nguyên tắc để đảm bảo quá trình vận hành cũng như đảm bảo lợi ích các bên. Ở Việt Nam, hệ thống pháp luật thuế luôn hướng tới và đảm bảo sự công bằng, minh bạch, đơn giản, dễ thực hiện và hiệu quả.

Qua việc phân tích các nguyên tắc đánh thuế, ta có thể thấy hệ thống pháp luật về thuế cũng như hoạt động thu thuế cần phải tuân thủ tối đa các nguyên tắc để hoạt động có hiệu quả, đảm bảo lợi ích giữa đối tượng chịu thuế và nhà nước. Hậu quả về kinh tế sẽ rất lớn và khó khắc phục nếu như hệ thống pháp luật thuế cũng như công tác điều hành thu thuế có vấn đề vì vậy cần có sự hoàn thiện, sửa đổi hệ thống pháp luật thuế ngày càng hoàn thiện, đảm bảo yêu cầu của các nguyên tắc nói trên.